

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2006/HNR/2025 ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Gia công cám gạo Honoroad Việt Nam đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 692/TTr-SNNMT ngày 04 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Gia công cám gạo Honoroad Việt Nam, địa chỉ tại Lô 2.19A5, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất cám gạo sấy khô xuất khẩu” địa chỉ tại Lô C, Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Nhà máy sản xuất cám gạo sấy khô xuất khẩu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C, Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn

hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 1801319745, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 3 năm 2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

1.4. Mã số thuế: 1801319745.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất cám gạo các loại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở

- Diện tích: 12.600 m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Tổng vốn đầu tư của cơ sở 22.500.000.000 đồng (*Hai mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng*); đã được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết “Nhà máy sản xuất cám gạo sấy khô xuất khẩu” tại Lô C, Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tại Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2016.

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

+ Công suất sản xuất: 144.000 tấn sản phẩm cám gạo các loại/năm.

+ Quy trình công nghệ sấy cám: Cám nguyên liệu → Bồn chứa cám đầu vào → Vít tải → Trộn → Sấy → Chất phụ gia → Làm nguội → Đóng gói → Nhập kho.

+ Quy trình công nghệ nghiền tấm: Nguyên liệu (tấm) → Bò dài → Bồn chứa → Sàng lọc (loại rác, dây, cây, sỏi,...) → Nam châm lọc kim loại → Nghiền mịn → Bò dài → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất cám viên: Tấm, cám sau trộn → Máy ép viên → Sấy → Đóng gói → Nhập kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này (nếu có).

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Gia công cám gạo Honoroad Việt Nam có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày..... tháng 8 năm 2035).

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Thốt Nốt tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN và MT;
- CT UBND thành phố;
- Cty TNHH Gia công cám gạo Honoroad VN;
- Công Thông tin điện tử TP;
- VP UBND TP (2H);
- Lưu: VT.vk

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Chí Hùng

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Cơ sở nằm trong Khu công nghiệp Thốt Nốt nên chủ cơ sở thực hiện việc đấu nối toàn bộ nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo quy định của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường năm 2022.

- Lượng nước thải cơ sở thực hiện đấu nối khoảng 05 m³/ngày đêm. Công ty TNHH gia công cám gạo Honoroad Việt Nam đã ký Hợp đồng xử lý nước thải số 109/HĐ/XLNT.KCN ngày 11 tháng 09 năm 2019 với Trung tâm Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Thốt Nốt.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại được thu gom vào ống nhánh $\phi 90$ bằng nhựa, sau đó dẫn về cống thoát nước chính bằng bê tông $\phi 300$ trong khuôn viên của Nhà máy ra đến hố ga cuối cùng đạt loại B QCVN 40:2011/BTNMT, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thốt Nốt công suất 2.500 m³/ngày đêm để xử lý đạt cột A của QCVN 40:2011/BTNMT.

- Nước thải sản xuất

+ Nước thải xử lý khí thải lò hơi: Khoảng 01 tháng vệ sinh bể lắng 01 lần khoảng 0,5 m³/ngày, thành phần chủ yếu là bụi tro, được dùng để làm nguội tro lò hơi sau khi đốt, không xả thải ra môi trường, tro trấu sau khi chờ khô được cho vào bao và cho người dân có nhu cầu sử dụng.

+ Đối với dung môi thải từ phòng thí nghiệm: Phát sinh không thường xuyên, chỉ phát sinh khi nhập hàng và xuất hàng khoảng 100 lít/ngày, chủ yếu là nước rửa dụng cụ (đối với hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm được giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: -

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: -

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: -

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nổi nước thải (đối với trường hợp cấp giấy phép môi trường cho khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp): -

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi: -

3.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPM-T-UBND ngày tháng 8 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải lò hơi 2 tấn hơi/giờ;
- Nguồn số 02: Khí thải lò đốt củi trấu sấy cám (lò đốt số 1, 2);
- Nguồn số 03: Khí thải lò đốt củi trấu sấy cám (lò đốt số 3, 4);
- Nguồn số 04: Khí thải lò đốt củi trấu sấy cám (lò đốt số 5, 6);
- Nguồn số 05: Khí thải lò đốt củi trấu sấy cám (lò đốt số 7, 8);
- Nguồn số 06: Khí thải lò đốt củi trấu sấy cám (lò đốt số 9, 10);
- Nguồn số 07: Khí thải lò đốt củi trấu sấy cám (lò đốt số 11, 12).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**2.1. Vị trí xả khí thải**

- Nguồn số 01: Ống thoát khí thải lò hơi. Tọa độ xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°): X=1141005, Y=554112;
- Nguồn số 02: Ống thoát hơi của lò đốt số 1, 2. Tọa độ xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°): X=1141052, Y= 554157;
- Nguồn số 03: Ống thoát hơi của lò đốt số 3, 4. Tọa độ xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°): X=1141049, Y= 554142;
- Nguồn số 04: Ống thoát hơi của lò đốt số 5, 6. Tọa độ xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°): X=1141044, Y= 554128;
- Nguồn số 05: Ống thoát hơi của lò đốt số 7, 8. Tọa độ xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°): X=1141062, Y= 554146;
- Nguồn số 06: Ống thoát hơi của lò đốt số 9, 10. Tọa độ xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°): X=1141056, Y= 554132;
- Nguồn số 07: Ống thoát hơi của lò đốt số 11, 12. Tọa độ xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°): X=1141053, Y= 554117.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Nguồn số 01: Lưu lượng xả thải tối đa $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;
- Nguồn số 02: Lưu lượng xả thải tối đa $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;
- Nguồn số 03: Lưu lượng xả thải tối đa $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;

- Nguồn số 04: Lưu lượng xả thải tối đa $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;
- Nguồn số 05: Lưu lượng xả thải tối đa $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;
- Nguồn số 06: Lưu lượng xả thải tối đa $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;
- Nguồn số 07: Lưu lượng xả thải tối đa $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn (tùy theo thời điểm sử dụng).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, $k_p=1,0$; $k_v=1,0$), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (đến ngày 31/12/2031)	Giá trị giới hạn cho phép (từ ngày 01/01/2032)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi	mg/Nm ³	200	≤ 60	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ - CP
2	SO ₂	mg/Nm ³	500	≤ 400		
3	NO _x	mg/Nm ³	850	≤ 450		
4	CO	mg/Nm ³	1000	≤ 450		
5	Lưu lượng	-	-	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: Cơ sở đã lắp đặt hệ thống xử lý bụi, khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Đối với khí thải lò hơi: Khí thải lò hơi → Cyclon → Bể lắng bụi ướt → Ống thoát khí thải (cao 05 m, đường kính 600 mm).

+ Đối với khí thải lò đốt củi trấu: Dòng bụi, khí thải và hơi nóng sẽ qua bộ lọc hơi để giữ lại bụi, dòng khí nóng tiếp tục hòa trộn vào cám gạo để sấy khô cám gạo, phần hơi nước sẽ thoát ra ngoài qua ống khói cao khoảng 05 m, đường kính 600 mm, 2 lò đốt sẽ thoát chung một ống thoát khí, tổng cộng có 6 ống thoát khí thải lò đốt củi trấu.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): -

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: -

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: -

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở thuộc đối tượng được miễn vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPM-TUBND ngày tháng 8 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: Hoạt động của các máy móc thiết bị trong nhà xưởng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Kiểm tra, thay thế các đệm cao su và lò xo chống rung cho nền các thiết bị như máy phát điện, và các thiết bị máy móc sản xuất, nếu có dấu hiệu hư hỏng.

- Có chế độ bảo trì định kỳ 03 tháng/lần như: Bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng đảm bảo an toàn cho công nhân trong quá trình hoạt động.

- Toàn bộ máy móc thiết bị được đặt trên các bệ đúc có móng chắc chắn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, lắp đặt các đệm cao su hoặc lò xo chống rung và kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt,...

- Giám sát môi trường lao động theo quy định của Bộ Y tế định kỳ 01 lần/năm. Khám sức khỏe cho công nhân 01 lần/năm.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

- Máy móc thiết bị được kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt.

- Kiểm tra, thay thế các đệm cao su và lò xo chống rung nếu có dấu hiệu hư hỏng

- Có chế độ bảo trì định kỳ 03 tháng/lần như: Bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng đảm bảo an toàn cho công nhân trong quá trình hoạt động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên khoảng 107 kg/năm, cụ thể như sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Trạng thái
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	12	Rắn
2	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	80	Lỏng
3	Mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 01	5	Rắn
4	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	7	Rắn
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	3	Lỏng
	Tổng		107	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Tro trấu: 1,72 tấn/ngày;
- Bao bì hư hỏng: khoảng 05 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 45 kg/ngày.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: -

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

+ Nhà chứa CTNH được xây dựng bằng vách tole, nền bê tông, mái tole, có rãnh thu gom chống tràn, có gờ chống tràn, cửa khóa kín. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

+ Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 20 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

+ Tro trấu được chứa trong bao, lưu giữ tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

+ Bao bì hư hỏng: Được chứa trong kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời: 16m². Kết cấu: Vách tole, nền bê tông, mái tole.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Kho/khu vực lưu chứa: -

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa:

+ Diện tích khu vực đặt thùng chứa rác: 04 m².

+ Kết cấu: Nền bê tông.

+ Chủ dự án hợp đồng với Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ để thu gom, vận chuyển và xử lý tại khu vực xử lý rác thải sinh hoạt của địa phương theo đúng quy định; tần suất thu gom 01 lần/ngày.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: -

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại: -

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: -

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

* Sự cố cháy nổ

- Công ty đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt phương án phòng cháy chữa cháy và trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- Thường xuyên kiểm tra các thùng chứa nhiên liệu (dầu DO), sử dụng các thùng chứa đúng tiêu chuẩn và được bảo hành để tránh sự cố rò rỉ.

- Thường xuyên kiểm tra các kho chứa đặc biệt là kho chứa bao bì.

- Nghiêm cấm mọi người hút thuốc trong các kho chứa bao bì thiết bị, hóa chất,... các nơi dễ sinh cháy nổ.

- Diễn tập phòng cháy chữa cháy theo quy định.

- Thực hiện các biện pháp an toàn về điện gồm:

+ Các thiết bị điện được tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ, có thiết bị bảo vệ quá tải.

+ Hệ thống đường điện đảm bảo có hành lang an toàn, hệ thống bảo vệ pha role cho các thiết bị sử dụng điện và được thường xuyên kiểm tra mức độ an toàn điện.

+ Chương trình phổ biến hướng dẫn cho cán bộ công nhân viên về nội quy an toàn điện. Trang bị bảo hộ an toàn điện cho công nhân vận hành, sửa chữa điện.

*** Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu đối với tai nạn lao động**

Nếu làm tốt các công tác phòng chống cháy nổ sẽ giảm được một phần tai nạn lao động. Bên cạnh đó, để mọi người làm việc được an toàn công ty thực hiện các biện pháp sau đây:

- Thành lập phòng y tế của nhà máy để chăm sóc sức khỏe công nhân trong trường hợp khẩn cấp.

- Định kỳ 3 tháng/lần tiến hành duy tu, sửa chữa các trang thiết bị phục vụ sản xuất nhằm hạn chế phát sinh ô nhiễm và đảm bảo an toàn lao động cho công nhân trong quá trình sản xuất.

- Bố trí nhân viên giám sát kỹ thuật trong quá trình vận hành.

- Đặt các biển báo, biển cấm, biển hướng dẫn an toàn trong lao động theo đúng quy định.

- Công nhân vận hành các máy móc đúng kỹ thuật, trước khi khởi động công nhân kiểm tra hệ thống đường dây điện máy móc để đảm bảo an toàn khi vận hành.

- Máy móc, thiết bị có bảng chỉ dẫn (tên, hướng dẫn vận hành).

- Hệ thống điện được bố trí lắp đặt đảm bảo an toàn.

- Công nhân vận hành máy không được uống rượu bia để tránh ảnh hưởng đến công việc.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ an toàn bảo hộ lao động cho công nhân.

- Nhắc nhở những người điều khiển vận chuyển không vận chuyển nguyên liệu, thành phẩm quá tải và người điều khiển hết sức cẩn thận tránh gây tai nạn giao thông.

- Ban hành nội quy của khu vực sản xuất và yêu cầu công nhân nghiêm túc chấp hành.

- Kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân 1 lần/năm.

*** Biện pháp an toàn điện**

- Yêu cầu công nhân không chạm vào chỗ đang có điện trong nhà máy như: Ổ cắm điện, cầu dao, cầu chì không có nắp đậy, chỗ tróc vỏ bọc cách điện của dây dẫn điện, chỗ nối dây, dây trần điện,... để không bị điện giật chết người.

- Dây điện trong nhà máy được đặt trong ống cách điện và dùng loại dây có vỏ bọc cách điện, có tiết diện dây đủ lớn để có dòng điện cho phép của dây dẫn lớn hơn dòng điện phụ tải để dây điện không bị quá tải gây chạm chập, phát hỏa trong nhà xưởng.

- Lắp cầu dao ở đầu đường dây điện chính trong nhà máy, ở đầu mỗi nhánh dây phụ và lắp cầu chì ở trước các ổ cắm điện để ngắt dòng điện khi có chạm chập, ngăn ngừa cháy nổ do điện.

*** Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố khí thải lò hơi**

- Định kỳ hàng năm tiến hành bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải lò hơi, hiệu chuẩn các thiết bị lò hơi theo quy định.

- Đào tạo cho nhân viên phụ trách vận hành nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động, bảo đảm độ ổn định của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- Nhân viên làm việc trực tiếp tại khu vực lò hơi khi phát hiện sự cố phải báo cáo cho Chủ cơ sở về tình hình sự cố khí thải được phát hiện. Trường hợp sự cố có nguy cơ vượt quá khả năng kiểm soát, xử lý, Chủ cơ sở báo cáo ngay với cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Dừng hoạt động lò hơi và các công đoạn sản xuất có liên quan đến hoạt động của lò hơi.

- Chủ cơ sở tổ chức bảo trì, khắc phục ngay sự cố; sau khi kết quả lấy mẫu khí thải lò hơi đạt tiêu chuẩn, tiến hành sản xuất lại.

*** Sự cố hóa chất**

- Để tránh hiện tượng tràn đổ rò rỉ hóa chất, trong kho bảo quản sắp xếp các lô hóa chất ngay ngắn và theo từng khu vực riêng; không xếp chồng lên nhau hoặc xếp cao quá chiều cao quy định có thể gây nghiêng đổ. Trong quá trình nhập kho, kiểm tra kỹ phụ kiện chứa đựng hóa chất để đảm bảo không có hiện tượng nứt vỡ thùng chứa, tránh hiện tượng rò rỉ tràn đổ. Nếu phát hiện có hiện tượng nứt vỡ thì phải để riêng và xử lý trước khi cho nhập kho.

- Có sổ theo dõi việc sử dụng hoá chất.

- Bảo quản hóa chất trong các thiết bị chuyên dụng, thùng chứa hóa chất phải đậy kín, đặt ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa nguồn nhiệt và các chất oxy hóa mạnh.

- Khu vực chứa hóa chất, làm việc phải nghiêm cấm lửa và đặt bảng cấm hút thuốc, cấm mang vật có khả năng cháy vào kho. Thực hiện thông gió tự nhiên, lắp đặt các trang thiết bị chống sét.

- Đối với các nguyên liệu dễ cháy được bảo quản nơi thoáng mát, có khoảng cách ly hợp lý để ngăn cháy lan khi có sự cố. Định kỳ kiểm tra các dụng cụ chứa, lượng lưu trữ phải có giới hạn.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: -

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: -

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG): -

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy.

3. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.